

Phần XIII

MƯỜI CĂN BẢN CỦA HÀNH ĐỘNG CÔNG ĐỨC

PHẦN BA: NHÓM “THIỀN”

(Bhavana)

NỘI DUNG

1. *Điều Kỳ Diệu Của Năng Lực Giáo Pháp*
2. *Sự Truyền Dạy Giáo Pháp (Dhamma-desana)*
3. *Sự Truyền Dạy Giáo Pháp Bởi Cư Sĩ & Những Ích Lợi*
4. *Lắng Nghe Giáo Pháp (Dhamma-savana)*
5. *Cách Thức Đúng Đắn Để Lắng Nghe Giáo Pháp & Những Ích Lợi*
6. *Chỉnh Lý Quan Điểm, Niềm Tin – Chánh Tín (Ditthijukamma)*
7. *Những Loại Tà Kiến*
8. *Những Ích Lợi Của Việc Chỉnh Lý Quan Điểm, Củng Cố Niềm Tin*
9. *Sách & Tài Liệu Tham Khảo*

I

SỰ KỶ DIỆU CỦA THẦN THÔNG GIÁO-HUẤN

Vào một lần nọ, khi Đức Phật đang cư ngụ ở vùng Nalanda trong khu Vườn Xoài của thí chủ Pavarika, thì có một Phật tử tại gia, tên là **Kevaddha**, đến xin gặp Phật và thỉnh cầu Phật cử một Tỳ kheo biểu diễn những thần thông kỳ diệu để cho những người dân ở thành Nalanda càng thêm tin tưởng vào Đức Phật, và nhờ đó nhiều người sẽ trở thành Phật tử. Tuy nhiên, Đức Phật đã từ chối lời thỉnh cầu này. Đức Phật nói rằng Phật cũng chưa bao giờ dạy Giáo Pháp cho những Tỳ kheo theo kiểu là: “*Này Tỳ kheo, hãy ra ngoài biểu diễn thần thông biến hóa cho những cư sĩ áo trắng coi.*”

Đức Phật đã trả lời y hệt như vậy, khi người đó tiếp tục thỉnh cầu lần thứ hai. Đến lần thứ ba, Đức Phật bắt đầu chỉ cho ông ta về 03 điều kỳ diệu mà Đức Phật đã tự mình biết và giác ngộ được bằng trí tuệ bên trong của mình.

(1) Đầu tiên là **loại thần thông biến hóa** (*iddhi patihariya*) bao gồm một số khả năng siêu phàm như là trở thành nhiều người cùng một lúc, thường gọi là thần thông nhân đôi hay nhân ba, và khả năng đi xuyên qua tường, bay trên không trung và đi trên mặt nước, và thậm chí có thể lên thăm cõi trời Phạm Thiên. Thần thông này bị Đức Phật từ chối biểu diễn, vì nó giống như những huyền thuật **Gandhari** (Kiện-đà-lê).

(2) Điều kỳ diệu thứ hai là **loại thần thông có thể đọc tâm** (*adesana patihariya*) của người khác, cũng không được Đức Phật tán đồng để biểu diễn, bởi vì nó có thể được hiểu

nhằm là loại huyền thuật được gọi là “*viên ngọc của ý nghĩ*” (*cintamani*) hay thuật **Manika**.

(3) Đức Phật khuyến khích loại thần thông thứ ba, đó là **khả năng chỉ dạy truyền dạy** (*anusasani patihariya*) hay thần thông giáo-huấn, vì loại năng lực này giúp đưa đến sự tu dưỡng Giới, Định, Tuệ để cuối cùng dẫn đến *trí-biết về sự đã tiêu-diệt ô-nhiễm* (Lậu tận minh, *Asavakkhaya Nana*), và *sự chứng ngộ Niết-bàn* (*Nibbana*), chấm dứt sự khổ. **Thần thông quan trọng nhất** này chỉ có thể có trong thời có Phật Pháp (*Buddha sasana*).

II

Việc Truyền Dạy Giáo Pháp (Dhamma-desana)

Trong quyển *Chú Giải Bộ Pháp Tụ (Atthasalini)*, định nghĩa về sự truyền đạt Giáo Pháp được ghi như sau:

“Tù mong muốn có được hay suy nghĩ rằng “Như vậy họ sẽ biết được ta là một người thuyết pháp”, một số người sẽ thuyết giảng bài pháp. Bài thuyết pháp đó không mang lại kết quả. Người đã thoát khỏi động cơ chính đó, không còn làm vì danh lợi và giảng dạy Giáo Pháp mà mình đã thông thuộc - đó là căn bản của hành động công đức của việc truyền dạy”.

(1) Cách Thức Thanh Tịnh và Đúng Đắn Khi Truyền Dạy Giáo Pháp

Trong *Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ứng Kinh Bộ, SN ii, 199)*, Đức Phật đã phân biệt 02 loại thầy (đạo sư) với 02 cách thức thuyết pháp, đó là:

- (a) Cách thức thuyết pháp **không thanh tịnh và không đúng đắn**, là tư cách của loại đạo sư với suy nghĩ là: *“Mỗi người sẽ thỏa mãn với những lời ta dạy và sẽ vâng theo lời ta, và sẽ ủng hộ ta”.*
- (b) Cách thức thuyết pháp **thanh tịnh và đúng đắn**, là tư cách của những người thầy với suy nghĩ là: *“Sau khi họ nghe mình thuyết giảng, họ sẽ hiểu biết và trân trọng Giáo Pháp và bắt đầu thực hành những phần Giới, Định, Tuệ của “Bát Thánh Đạo”, nhờ đó họ có khả năng được giải thoát khỏi sự khổ”.* Vì vậy, những vị thầy này giảng dạy Giáo Pháp cho người

khác vì Giáo Pháp dẫn đến sự giải thoát và bởi vì lòng bi mẫn của người thuyết giảng dành cho họ.

(2) Câu Chuyện về con Cá Vàng Với Hơi Thở Hôi Thối

Việc thuyết giảng để có được danh lợi và được những thứ khác là hành-động dẫn đến đau khổ như trong trường hợp một vị Tỷ kheo trong lịch sử tên là **Kapila** đã được nói đến trong *Kinh Pháp Cú (Kệ 334-337)*. Trong Phật kiếp của Đức Phật Kassapa (Ca Diếp), có hai anh em đều trở thành Tỷ kheo. Người anh lớn thì lo tu tập hành thiền và chứng ngộ thành một A-la-hán. Người em tên là Kapila thì chỉ lo nghiên cứu Tam Tạng Kinh (*Tipitaka*) và trở thành một giảng sư thông thuộc kiến thức kinh điển và có rất nhiều đệ tử, và vì vậy cũng rất nhiều người cúng dường. Vì vậy Kapila trở nên rất tự phụ về kiến thức kinh kệ của mình đến nỗi vị ấy luôn tự mình tuyên phán lời nói của người khác là sai hay đúng, mặc dù sự thật thì có thể những lời nói đó không phải như vậy.

Nhiều Tỷ kheo tốt bụng đã nhắc nhở vị thầy đó nên trung thành và trích dẫn đúng trong Giáo Pháp và Giới Luật, nhưng vị thầy Kapila thì quá say sưa với kiến thức của mình, thậm chí còn quay lại chê bai và hạ nhục những vị Tỷ kheo đã có lòng nhắc nhở mình. Cứ theo cách này, vị thầy Kapila đã rơi vào con đường bất thiện và đã làm chậm trễ tiến trình truyền Pháp của Đức Phật Kassapa.

Khi vị thầy đó chết, vị đó đã bị đọa xuống tận địa ngục A-tỳ (*Avici*) chịu đày đọa và đau khổ muôn vàn kiếp. Và vì những giáo pháp sai lạc mà ‘thầy ấy’ đã truyền giảng vẫn còn là nghiệp-ác chưa trả hết, nên đến tận Phật kiếp này, ‘thầy ấy’ đã tái sinh thành một con Cá Vàng sống trong sông Aciravati ở Savatthi (Xá-vệ). Con cá vàng đã bị bắt và người ta đem

đến trước Đức Phật (Thích Ca). Ngay khi con cá vàng mở miệng ra, một mùi hôi thối bốc lên làm tanh tưởi cả nơi đó. Lúc đó, Đức Phật đã kể lại kiếp quá khứ của con cá chính là Tỳ kheo Kapila. Bởi vì, dù gì, vị này cũng đã miệt mài nghiên cứu và truyền dạy và tán dương đề tài là Phật Pháp nên vị ấy còn có được sắc vàng trên da mình, nhưng vị ấy giảng dạy không theo cách thức thanh tịnh và đúng đắn, thậm chí còn phỉ báng những vị Tỳ kheo tốt nhắc nhở mình, nên bây giờ mở miệng ra là bay mùi hôi thối. Sau đó, con cá vàng đã chết, và lại tiếp tục bị tái sinh vào địa ngục A-tỳ.

III

Việc Truyền Dạy Giáo Pháp bởi Những Phật Tử Tại Gia & Những Ích Lợi

Mặc dù những Phật tử tại gia không thông thuộc thấu suốt về Giáo Pháp bằng các vị sư thầy hay tu sĩ, nhưng các cư sĩ tại gia đó vẫn có thể giảng dạy Giáo Pháp cho những Phật Tử khác trong hay ngoài đạo tràng của mình, theo sự khuyến khích của Đức Phật được ghi chép lại trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN iv, 219). Và nếu thành công, người truyền dạy có thể giúp cho những Phật tử khác hiểu biết Phật Pháp **bằng trình độ hiểu biết mà mình có được**.

- Như vậy, khi một người có được **Niềm-Tin** của mình vào Phật, Pháp, Tăng, người đó cũng có thể truyền tải niềm-tin đó cho những người khác.
- Khi một người biết kiên giữ **Giới-Hạnh** cho mình, thì người đó cũng có thể truyền dạy cho người khác việc kiên-giữ những giới-hạnh cho những người khác.
- Khi một người **chứng ngộ sự Giải-Thoát** cho mình, người ấy cũng có thể truyền dạy người khác tu tập để có chứng ngộ được sự giải-thoát như vậy.
- Khi một người luôn mong ước chính mình **gặp được thánh Tăng**, mong ước được **nghe Chánh Pháp**; luôn có sự **chánh-niệm** về Giáo Pháp mình đã nghe học được; **quán chiếu** những ý-nghĩa của Giáo Pháp; **hiểu-biết rõ** về khía cạnh ngữ-nghĩa và khía cạnh tâm linh đích thực của Giáo Pháp; và **bước đi đúng theo** con đường đó; và **phần đầu truyền tải** lại cho những Phật tử khác, thì người cư sĩ

đó đã làm tăng ích lợi cho bản thân mình cũng như ích lợi cho những người khác.

◆ Ích Lợi Của Việc Tuyên Dạy Giáo Pháp:

- (1) Trong cách thức đúng đắn và thanh tịnh, một người mong muốn truyền dạy giáo pháp cho những người khác, thì bản thân mình thường xuyên thực hành Giáo Pháp để thấy được lợi ích trước khi người đó thành thực để truyền dạy cho người khác. Bằng cách đó, người đó càng tiến bộ về mặt Giáo Pháp. Kết quả của những hành-động hay quá-trình truyền dạy giáo pháp một cách thanh tịnh và đúng đắn chính là **sự thành công** trong công việc chứng ngộ trên con đường thánh Đạo và chứng đắc thánh đạo Quả, bởi vì Giáo Pháp là **nguyên-nhân tạo ra quả “thành công” đó**.
- (2) Trong tất cả những quà tặng hay những sự bố-thí thì **sự bố-thí thì sự truyền-dạy**, tức **sự bố thí Giáo Pháp là cao quý nhất**. Vì vậy, những ai có những kiến thức, sự tiến bộ về giáo pháp và cống hiến công sức và thời gian để truyền thụ lại cho những người lớn và người trẻ trong các trường học thì xứng đáng được khen ngợi là người truyền bá chánh pháp của Đức Phật, trong bối cảnh con người đang chìm ngập trong chủ nghĩa vật chất và tà kiến. Những người thầy chịu khó như vậy sẽ được tôn trọng trong những cộng đồng Phật giáo.

IV

Lắng Nghe Giáo Pháp

Quyển *Chú Giải Bộ Pháp Tụ (Atthasalini)* định nghĩa sự biết lắng nghe Giáo Pháp như sau:

“Những ai lắng nghe giáo pháp, và nghĩ rằng: “Vì việc nghe pháp này, họ sẽ cho rằng mình là một người sùng đạo” - thì không đem lại nhiều nhĩ kết quả gì.

Người khác thì bằng sự nhẹ nhàng trong lòng, tràn đầy lòng thiện tốt, lắng nghe giáo pháp và nghĩ rằng: “Sẽ mang lại nhiều ích quả cho mình!”. Thì đây chính là sự lắng nghe Giáo Pháp”.

Trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN i, 129), Đức Phật mô tả về 03 loại người nghe Giáo Pháp, đó là:

(1) Loại người nghe Pháp với tâm trí **không tập trung**, nghe mà chẳng hiểu gì, như nước đổ lá môn. Người đó cũng được so sánh như một cái bát úp lại, dù đổ bao nhiêu nước cũng chảy ra hết.

(2) Loại nghe Pháp với tâm trí **bị phân tán**, tức là loại người nghe từ đầu đến cuối, cũng có hiểu, nhưng không bao giờ thềm nhớ một điều gì, bị phân tán. Như một đồng đồ ăn để trên đùi chân, khi đứng dậy, tất cả đồ ăn đều đổ xuống đất hết, vì họ **chẳng bao giờ chú tâm** hay ghi nhớ điều gì.

(3) Người lắng nghe Pháp với tâm trí **hiểu biết, bao quát và chú tâm**, và sau khi đứng dậy, người đó vẫn còn **ghi**

nhớ những lời dạy của Giáo Pháp. Người đó được so sánh như một cái bát để ngửa, nước đổ vào không bị chảy ra.

◇ **Câu Chuyện Về Một Thiên Thần Bị Xao Lãng Trong Lúc Nghe *Bài Thuyết Pháp Đầu Tiên* Của Đức Phật**

Chú Tâm hoàn toàn khi lắng nghe Giáo Pháp là điều kiện ***cần thiết*** nếu một người muốn có được lợi lạc từ buổi nghe thuyết pháp. Điều này được minh họa trong một bài giảng pháp của của Thiên sư **Mahasi Sayadaw** về ***Kinh Hemavata Sutta*** nói về một thiên thần tên là **Satagiri**. Khi Đức Phật đến khai giảng bài ***Thuyết Pháp Đầu Tiên*** (*Kinh Chuyển Pháp Luân*) ở khu **Vườn Nai, Isipatana**, đúng 02 tháng sau khi giác-ngộ thành Phật, thì vị thiên thần Satagiri cũng có mặt cùng với hàng triệu những thiên thần để nghe lời thuyết giảng của Phật. Nhưng thay vì lắng nghe Giáo Pháp, vị thiên thần này chỉ lo lu bu tìm bạn mình là thiên thần **Hemavata** trong số những người đến nghe bài thuyết pháp quan trọng đó. Sau khi kết thúc bài Pháp, ngài Kondanna (Kiều-trần-như) cùng hàng triệu thiên thần và trời Phạm Thiên đều chứng thánh quả Nhập Lưu (*Sotapanna*), nhưng Satagiri thì không, vì vị này đã xao lãng tâm trí vào việc khác.

Sau đó, vị thiên thần đã tìm gặp được bạn của mình là Hemavata ở bên trên thành Vương Xá (Rajagaha) và cả hai cùng nói chuyện về Đức Phật. Một cô gái tên là **Kali**, con của một thương nhân **tinh cờ nghe được** câu chuyện của hai thiên thần và đã **chú tâm lắng nghe** thiên thần Hemavata đang nói về những đức-hạnh của Đức Phật. Trong quá trình lắng nghe chăm chú này thì cô gái chứng được quả nhập lưu (*Sotapanna*). Trong số những nữ Phật tử tại gia thời đó, Đức Phật gọi cô gái này là nữ đệ tử tại gia ***đệ nhất về niềm-tin bất***

thối chuyển, thậm chí chỉ do lắng nghe người khác một cách chú tâm như vậy mà đã có được niềm-tin lớn lao như vậy.

► *Nếu đã là chân lý, là đạo lý đúng đắn, thì nó được nói ra từ ai không quan trọng, quan trọng là ở người biết lắng nghe và hiểu biết, thì người nghe đó mới giác ngộ được.* (ND)

Còn về 02 thiên thần đó, họ đã cùng bay đến cùng với đoàn tùy tùng của họ, để tôn kính Đức Phật lúc bấy giờ đang ngụ tại khu Rừng Uruvela. Ở đó, những thiên thần đã đặt những câu hỏi xin Đức Phật giảng giải. Ngay sau khi lắng nghe Đức Phật giảng giải, cả 02 thiên thần đó cùng với 1.000 thiên thần trong đoàn của họ đều chứng thánh quả Nhập Lưu.

V

Cách Thức Đúng Đắn Để Lắng Nghe Giảng Pháp & Lợi Ích

Cách thức để chú tâm lắng nghe giảng giáo pháp có được mô tả trong *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ, SN ii, 220), kinh nói về ngài Kassapa (Ca-Điếp), như sau:

- Một bài thuyết pháp khi được giảng phải được lắng nghe sao cho người nghe có được **ích lợi**. Từ thái độ đúng đắn này thì người nghe mới chú tâm hoàn toàn đến những gì được thuyết giảng, và vì vậy không để sót một câu chữ nào, để người nghe hiểu đúng, hiểu đầy đủ ý nghĩa của bài thuyết pháp. Người nghe nên chú tâm vào từng từ ngữ của bài Giáo Pháp và những từ ngữ được nghe một cách đúng đắn này sẽ được **áp dụng vào trong việc thực hành** Giáo Pháp.
- Bằng cách tập trung vào bài thuyết giảng, tâm của người sẽ trở nên **tĩnh lặng và thấm nhuần** trong bài thuyết giảng; người đó sẽ không còn bị bên ngoài tác động, và vì vậy, **tâm được thanh tịnh**. Các kinh có ghi lại nhiều trường hợp người nghe trong lịch sử đã giác ngộ bằng cách chú tâm lắng nghe Đức Phật hay những A-la-hán giảng giải Giáo Pháp.
- Theo những luận giảng, những người vừa nghe xong một bài thuyết giảng giáo pháp chứng ngộ được tầng thánh quả thứ nhất hay cao hơn thì không có trong thời mạt pháp này nữa. Tuy nhiên, mọi người đều nên **chú tâm lắng nghe lời giảng giải Giáo Pháp từ những bậc thánh nhân hiền trí** một khi tự mình không thể lý giải hết ý nghĩa Giáo Pháp.

Khi lắng nghe thuyết giảng như vậy, chúng ta có được **sự hiểu-biết hay trí-tuệ thông qua việc nghe học** (*Sutamaya Panna*), còn gọi là **Văn trí**; trong khi đó sự hiểu-biết do tự mình tư duy, tự học, tự chứng thấy được gọi là **trí-tuệ thông qua tư duy** (*Cintamaya Panna*), còn gọi là **Tư trí**; và sự hiểu-biết có được từ sự chứng ngộ bên trong, từ minh sát tuệ thông qua thiền tập thì được gọi là **trí-tuệ do Thiền tập** (*Bhavanamaya Panna*), còn gọi là **Tu trí**.

Trong “*Kinh Điềm Lành*” (*Mangala Sutta*) có ghi câu: “*Gặp gỡ người trí hiền, Là Phúc Lành Cao Nhất*”, bởi vì khi chúng ta lắng nghe những bậc hiền trí, những thánh nhân giảng giải giáo pháp, chúng ta đạt được những trí tuệ từ họ. Và trí tuệ để giác ngộ là phúc lành cao thượng nhất.

► *Ba loại trí trên gọi tắt là Văn, Tư, Tu. Hai loại trí đầu tiên thuộc phân “trí hữu sư”, tức còn phải tùy thuộc vào người giảng giáo pháp và sự suy luận, sự hiểu biết thông qua giáo pháp như người thầy. Còn loại trí cuối cùng được gọi là “trí vô sư”, trí do tự mình tu tập, thiền tập mà có được, chứng ngộ được, chứ người thầy không thể cho mình cái trí này được. (ND)*

- Nói theo ngôn ngữ của thế gian và thực tế cuộc sống, hai loại trí đầu tiên *Cintamaya Panna* và *Sutamaya Panna* thì được thể hiện rất nhiều. Tất cả những ngành nghề thuật và khoa học mà chúng ta học ở các trường và các đại học chẳng hạn, loại trí-tuệ có được là do nghe học và đó là loại trí *Sutamaya Panna*. (Văn trí) Nhiều ngành nghề đòi hỏi những nỗ lực, suy nghiệm hay năng khiếu cá nhân hay do tự bản thân mình nghiên cứu, chứ không phải do nghe học là làm được, thì thuộc về loại trí do tư duy của mình, thuộc

về *Cintamaya Panna* (Tu trí). Cho nên ngay cả trong đời sống thực tế, nếu bạn muốn có một kiến thức và một nghề nghiệp đàng hoàng để ổn định cuộc sống, thì hai thứ cần thiết phải có là phải **chú tâm nghe học** và **tự tư duy**, tự nghiên cứu cho bản thân mình theo một đề tài, một khoa học, một nghệ thuật hay một nghề nghiệp nào đó. Việc tu tập cũng vậy, hai phẩm chất này rất quan trọng để trang bị những tầm-nhìn và trí tuệ cần thiết trên con đường đi tìm trí-tuệ minh sát thông qua việc thiền tập (Tu trí).

VI

Chỉnh Lý Quan Điểm Niềm Tin Của Mình – Củng Cố Chánh Tín (*Ditthijukamma*)

Củng cố quan-điểm hay niềm-tin của mình là một hành vi đạo đức nhằm sửa chữa, chỉnh đốn lại những quan điểm sai lạc của mình để xác lập sự hiểu-biết đúng đắn hay chánh-kiến (*samma-ditthi*) về Mười Vấn Đề, về Quy Luật Nghiệp, về Trí Tuệ Minh Sát (*Vipassana*), và về Kiến Thức xuất thế gian như Tứ Diệu Đế.

(*Xem thêm, phần “Chánh Kiến” trong Chương III, “Bát Chánh Đạo”*).

VII

Những Dạng Tà Kiến

(*Miccha-ditthi*)

Tà là “ngiên”, là “lệch”, là “không ngay thẳng”. Tà kiến là những cách-nhìn, những quan-điểm sai lầm, sai trái, sai lạc.

Trong *Kinh Lưới Trời* – hay thường được gọi là *Kinh Phạm Võng* – (*Brahmajala Sutta*) thuộc bộ kinh DN, Đức Phật đã nêu ra **62 loại tà kiến**, mà tất cả chúng có thể được xếp gom vào những dạng sau:

- (a) Niềm tin vào linh hồn bất diệt, một bản ngã trường tồn;
- (b) Sự lẫn tránh hay lừa lợ;
- (c) Niềm tin vào những sự vật khởi sinh không có nguyên nhân;
- (d) Niềm tin rằng những cảnh giới phúc lành tương ứng với những tầng thiền định (*jhana*) là những cảnh giới hạnh phúc cao nhất.

Trong những loại tà kiến trên, Đức Phật nhấn mạnh **03 loại tà kiến** mà con người thường hay chấp thủ, và thường dẫn đến những cực đoan, và họ trở thành những người mang quan-điểm sai lầm là ‘*hành động không tạo ra nghiệp quả, không có gì tạo nguyên nhân cho những sự việc khác*’, còn gọi là Vô-Nhân kiến (*akiriya-ditthi*). Những loại tà-kiến đó là:

- (1) **Quan Điểm Chỉ Tin Nguyên Nhân Tiền Định**
(*Pubbekata-hetu ditthi*)

Quan điểm này cho rằng tất cả những cảm-giác của chúng sinh trong kiếp này đều là do nhân và duyên của kiếp trước và chỉ tạo ra bởi những sự tạo-tác cố-ý (các hành) trong kiếp quá khứ. Đây là dạng quan điểm **chỉ tin vào Nghiệp của kiếp quá khứ** mà thôi.

(2) **Quan Điểm cho rằng Nguyên Nhân là do Đấng Siêu Nhiên Hay Đấng Tạo Hóa** (*Issaranimma-hetu ditthi*)

Quan điểm này cho rằng tất cả những cảm-giác của chúng sinh trong kiếp này đều là **do một thế lực siêu nhiên hay một đấng tạo hóa** tạo ra.

(3) **Quan Điểm cho rằng mọi Nguyên Nhân là do Ngẫu Nhiên** (*Ahetu-apaccaya ditthi*)

Quan điểm này cho rằng tất cả những cảm-giác của chúng sinh trong kiếp này đều là do tự chúng khởi sinh một cách ngẫu nhiên, **không phải do nguyên-nhân hay điều-kiện nào** tạo ra hết. Cho nên, quan điểm này còn được gọi là Vô Nhân-Duyên Luận.

Trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN i, 173), Đức Phật đã bác bỏ những tà kiến và lập luận sai lầm trên như sau:

- Có những người, do những hành-vi cố ý (nghiệp) trong quá khứ của họ, thì họ sẽ sát sinh, gian cắp, tà dâm, nói dối, nói lời vu khống, nói lời cay nghiệt, nói chuyện tầm phào, vô ích, tham lam, sân hận, và nắm giữ tà kiến. Đó là do họ không tin vào hiệu lực tác động của những hành-động hiện tại (tức không tin vào Nghiệp quả của Nghiệp hiện tại). Vì vậy, họ không có **mong-muốn** (*chanda*) hay **sự nỗ-lực** (*viriya*) để phân biệt những hành-động nào nên làm và những hành-động nào nên tránh. Đối với những

người như vậy, không thể có được những niềm-tin đúng đắn để dẫn đến loại bỏ những ô-nhiễm.

- Cũng như vậy, những người tin vào **Thượng Đế sáng tạo** hay những người tin thuyết **mọi sự vật khởi sinh không có nhân-duyên** thì họ sẽ sát sinh, gian cắp, tà dâm, nói dối, v.v... Đó là do họ không tin vào hiệu lực tác động của những hành-động hiện tại (tức không tin vào Nghiệp quả của Nghiệp hiện tại). Vì vậy, họ không có **mong-muốn** (*chanda*) hay **sự nỗ-lực** (*viriya*) để phân biệt những hành-động nào nên làm và những hành-động nào nên tránh. Đối với những người như vậy, không thể có được những niềm-tin đúng đắn để dẫn đến loại bỏ những ô-nhiễm.
- Trong thế gian này, chỉ có những việc như “**nghe học từ những bậc hiền trí thuyết giảng**” (Văn) và “**xem xét hay tư duy một cách khôn khéo**” (Tur) là những điều-kiện để một người trở thành có trí-khôn và đức-hạnh.

Nếu 03 quan điểm [(1), (2), (3)] cực đoan trên đây không chấp nhận những nguyên-nhân hiện tại là đúng, vậy thì những việc như “*nghe học từ những bậc hiền trí thuyết giảng*” (Văn) và “*xem xét tư duy một cách khôn khéo*” (Tur) sẽ trở thành vô ích và không mang lại kết quả gì, bởi vì những loại người trên cho rằng “để trở thành một người khôn hay một kẻ ngu” chỉ đơn giản là do nghiệp quá khứ, hoặc do đấng tạo hóa, hoặc không do nhân-duyên nào cả, chỉ là *ngẫu nhiên*. Tuy nhiên, chúng ta biết rõ những quan điểm cực đoan đó là sai trái.

VIII

Những Ích Lợi Của Việc Chỉnh Lý Quan Điểm, Củng Cố Chánh Tính

Bằng cách chỉnh lý quan điểm của mình, một người có được Chánh-Kiến, dẫn đến những cảnh giới phúc lành và Niết-bàn (*Nibbana*), trong khi đó những tà-kiến thì dẫn dắt người đến những cảnh giới khổ đau. Cũng giống như những sự đều do duyên tạo ra (tức những pháp hữu vi), Chánh Kiến có được cũng do những nguyên-nhân và điều-kiện (duyên), đó là:

- (1) **Sự lắng-nghe (nghe học) một cách chú tâm** những giáo lý, hướng dẫn, và những pháp thoại về chân lý đúng với lẽ thật đó là “Tứ Diệu Đế”.
- (2) **Sự chú tâm một cách khôn khéo (như lý tác ý)** bằng cách quán chiếu hay xem xét những chân lý với đúng lẽ thật và quy luật trong thế giới:
 - (a) Những thứ **vô thường** là vô thường.
 - (b) **Khổ** là khổ, không sung sướng, khoái lạc
 - (c) **Vô ngã** là vô ngã, không có bản ngã nào
 - (d) **Xấu** là xấu, không phải là đẹp.
- (3) **Ba (3) loại Chánh-Kiến** phải được hiểu rõ, đó là:
 - (a) Sự hiểu-biết rõ về *Mười Vấn Đề* (coi phần “Chánh-Kiến”, Chương III, “Bát Thánh Đạo”).
 - (b) Sự hiểu-biết đúng đắn và sâu sắc về *Quy Luật Nghiệp*, đó là: **“Mọi chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của**

mình, đó là những hành-động quá khứ và hiện tại sẽ tạo ra những (nghệp) quả tương ứng”.

- (c) Sự hiểu-biết đúng đắn về bản chất đích thực của những tiến trình vật chất và tâm linh (danh sắc), về quan hệ nhân và quả, về *Trí Tuệ Minh Sát* (*Vipassana*), và về kiến thức xuất thế gian của Tứ Diệu Đế.

Hai loại hiểu-biết đầu có thể có được bằng cách nghe, học, nhưng loại hiểu-biết cuối cùng chỉ được thông qua việc thực hành thiền *Bốn Nền Tảng Chánh Niệm* (*Thiền quán Tứ Niệm Xứ*, còn gọi là *Thiền Minh Sát Tứ Niệm Xứ* (*Satipatthana Vipassana*) mà Đức Phật đã truyền dạy.

Về vấn đề Thiền Phật Giáo, là một phần **quan trọng** trong NHÓM THIỀN (của Mười Căn bản của Hành Động Công Đức), sẽ được bàn luận trong Chương tiếp theo.

IX

Sách & Tài Liệu Tham Khảo

- (1) “*The Expositor*” (Chú Giải Bộ Pháp Tụ – “*Atthasalini*”), bản dịch của Pe Maung Tin, Hội Kinh Điển Pali (PTS), London.
- (2) “*Câu Chuyện Về Con Cá Vàng Với Hơi Thở Hôi Thối*”, trong “*Buddhist Legend*” (Giai Thoại Phật Giáo, Phần 3), tác giả Eugene Watson Burlingame, Hội Kinh Điển Pali (PTS), London.
- (3) “*Bài Thuyết Giảng về Kinh Hemavata Sutta*” của Thiền Sư Mahasi Sayadaw, Miến Điện.
- (4) “*Sammaditthi Dipani*” – “*The Manual of Right Views*” (Cẩm Nang về Chánh Tri Kiến), tác giả Đại Trưởng Lão Mahathera Ledi Sayadaw, Aggamahapandita.